TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tâm;

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lữ Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Kim L,** sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M,** sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp H, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

(Anh M có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Kim L trình bày:* Vào năm 1991 chị và anh Nguyễn Văn M quen biết nhau và cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, quan điểm với nhau, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xuyên xảy ra cự cải trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù vợ chồng đã cố rắng duy trì để tiếp tục chung sống với nhau nhưng không kết quả và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không thể hàng gắng lại được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị quyết định xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung: Nguyễn Chí H, sinh ngày 16/8/1992 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 06/11/2000, các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Kim L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Chị L xác nhận các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 01 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày*: Anh M thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn, về thời gian sống ly thân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 01/3/2019 (bút lục:19), Biên bản hòa giải ngày 13/02/2019 (bút lục: 25 ;26 ;27) và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 27/3/2019 (bút lục: 31), anh M có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Đinh Kim L.

- Về con chung: Anh M xác nhận các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh M xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Kim L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ kiện tranh chấp xin ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn- Do đó yêu cầu của anh M là có căn cứ để chấp nhận và Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Kim L và anh Nguyễn Văn M đều xác nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải làm ảnh hưởng cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống giữa chị L và anh M sống với nhau từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa chị L và anh M không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *" 1. **Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này**"*.

Do đó, mối quan hệ giữa chị L và anh M không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh M đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 16/8/1992 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 06/11/2000 nhưng hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của chị L và anh M trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L và anh M đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị không có tạo lập tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L và anh M đều xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đinh Kim L là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Kim Lo và anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Chị Đinh Kim L và anh Nguyễn Văn M xác nhận các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Kim L và anh Nguyễn Văn M đều nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Đinh Kim L và anh Nguyễn Văn M đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí : Chị Đinh Kim L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0009468, ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨN PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách